

**CÔNG TY TNHH SX & DV CƠ KHÍ NHẬT VƯƠNG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SX & DV CƠ KHÍ NHẬT VƯƠNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NHAT VUONG MECHANICAL SX & DV COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110881287

**3. Ngày thành lập:** 05/11/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 6 Hẻm 10 Ngách 28 Ngõ 117 Đường La Nội, Tổ dân phố Hoàng Văn Thụ, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0973130357

Fax:

Email: windy.calmsea@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                            | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Đúc sắt, thép                                                                                        | 2431        |
| 2.  | Đúc kim loại màu                                                                                     | 2432        |
| 3.  | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                       | 2511        |
| 4.  | Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại                                           | 2512        |
| 5.  | Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)                                                             | 2513        |
| 6.  | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                     | 2591        |
| 7.  | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                         | 2592(Chính) |
| 8.  | Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng                                          | 2593        |
| 9.  | Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén                                                | 2818        |
| 10. | Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp                                                               | 2821        |
| 11. | Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại                                                        | 2822        |
| 12. | Sản xuất máy luyện kim                                                                               | 2823        |
| 13. | Sản xuất máy chuyên dụng khác                                                                        | 2829        |
| 14. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>(Trừ kinh doanh dược phẩm)                                     | 4649        |
| 15. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                               | 4653        |
| 16. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                      | 4659        |
| 17. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(Loại trừ kinh doanh vàng miếng và vàng nguyên liệu)          | 4662        |
| 18. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                              | 4663        |
| 19. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh | 4752        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 20. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                      | 4753 |
| 21. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                          | 4759 |
| 22. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                              | 4784 |
| 23. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(Trừ tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán)                                                                                                                                                                                                                                           | 7020 |
| 24. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: - Khảo sát xây dựng; - Lập thiết kế quy hoạch xây dựng; - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng; - Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình; - Kiểm định xây dựng; - Quản lý chi phí đầu tư xây dựng | 7110 |
| 25. | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật<br>(Loại trừ hoạt động của phòng thí nghiệm của cảnh sát)                                                                                                                                                                                                                         | 7120 |
| 26. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7410 |
| 27. | Đào tạo sơ cấp<br>(Chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)                                                                                                                                                                                                                               | 8531 |
| 28. | Đào tạo trung cấp<br>(Chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)                                                                                                                                                                                                                            | 8532 |
| 29. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>(Loại trừ: Các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể; Dạy về tôn giáo)                                                                                                                                                                                                   | 8559 |

**6. Vốn điều lệ:** 100.000.000 VNĐ

### 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên  | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                        | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|-----------------|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TRẦN THỊ TUYẾT  | Việt Nam  | Thửa đất 281-9, Phố Hoàng Văn Thụ, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 40.000.000            | 40,000    | 036187000465                                                                                            |         |
| 2   | PHAN VĂN NGUYỄN | Việt Nam  | Thửa đất 281-9, Phố Hoàng Văn Thụ, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 60.000.000            | 60,000    | 036085000733                                                                                            |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN THỊ TUYẾT

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 09/03/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 036187000465

Ngày cấp: 05/04/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thửa đất 281-9, Phố Hoàng Văn Thụ, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thửa đất 281-9, Phố Hoàng Văn Thụ, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội